

Số: 27/KH-PTDTNTHTPTNP

Nâm Pồ, ngày 31 tháng 7 năm 2018

KẾ HOẠCH
Phát triển quy mô lớp, học sinh năm học 2018-2019

I. SỐ LỚP, SỐ HỌC SINH

TT	Khối lớp	Thực hiện năm học 2017-2018 (Tính đến tháng 5/2018)			Kế hoạch năm học 2018-2019		
		Số lớp	Học sinh		Số lớp	Học sinh	
			Số HS	HS/lớp		Số HS	HS/lớp
1	10	0	0	0	03	105	35
2	11	0	0	0	0	0	0
3	12	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng:		0	0	0	03	0	0

II. BIÊN CHẾ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN

TT	Chức danh	Biên chế hiện có	Năm học 2018-2019		Ghi chú
			Kế hoạch	Bổ sung	
1	Ban giám hiệu				
	- Hiệu trưởng	0	01	01	
	- Phó hiệu trưởng	01	02	00	
	Cộng:	01	03	02	
2	Giáo viên				
	- Ngữ văn	0	01	01	
	- Lịch sử	00	01	01	
	- Địa lí	01	01	00	
	- Toán	01	01	00	
	- Vật lý	01	01	00	
	- Hóa học	01	01	00	
	- Sinh học	01	01	00	
	- Thể dục	0	01	01	
	- Ngoại ngữ	01	01	00	
	- Công nghệ	0	00	00	Dạy kèm

TT	Chức danh	Biên chế hiện có	Năm học 2018-2019		Ghi chú
			Kế hoạch	Bổ sung	
	- GDCD	00	01	01	
	- Tin học	01	01	00	
	- GDQP	00	00	00	Dạy kiêm
	Cộng:	07	11	04	
3	Đoàn đội	01	01	00	Kiểm nhiệm
4	Phục vụ giảng dạy				
	- Thư viện	01	01	00	GV Tin kiêm
	- Thí nghiệm	01	01	00	GV Hóa kiêm
	Cộng:	02	02	00	
5	Nhân viên				
	- Y tế	00	01	01	
	- Kế toán	01	01	00	
	- Thủ quỹ	01	01	00	
	- Bảo vệ	0	01	01	
	- Phục vụ				
	+ Tạp vụ	00	01	01	
	+ Nuôi dưỡng	02	02	00	
	- Giáo vụ	00	00	00	GV Địa kiêm
	- Kỹ thuật viên	00	01	01	
	- Văn thư	0	00	00	Kiểm nhiệm
	Cộng:	04	08	04	

III. TỔNG HỢP NHU CẦU NGƯỜI LÀM VIỆC

Chức danh	Biên chế hiện có	Năm học 2018-2019		Ghi chú
		Kế hoạch	Bổ sung	
1. Ban giám hiệu	01	03	02	
2. Giáo viên giảng dạy	07	11	04	2 GV dạy kiêm
3. Đoàn đội	00	00	00	1 GV kiêm nhiệm
4. Phục vụ giảng dạy	00	00	00	1 GV dạy kiêm
5. Nhân viên	04	08	04	
Tổng:	12	22	10	

IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC CÁC ĐƠN VỊ TỔ

TT	Tên tổ	Số lượng người làm việc	Số lượng cấp phó	Ghi chú
1	Khoa học tự nhiên	05	1	
2	Khoa học xã hội	06	1	
4	Văn phòng- Phục vụ	08	1	

(Danh sách biên chế công chức, viên chức hiện có đính kèm kế hoạch này)

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT(TCCB);
- Lưu VT.



**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Văn Tập

DANH SÁCH BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

(Tính đến ngày 25/7/2018)

(Kèm theo Kế hoạch số: 24/KH-PTDNTNTHPTNP, ngày 31 tháng 7 năm 2018 của trường PTDNTN THPT huyện Nậm Pồ)



I. Biên chế lãnh đạo đơn vị: (Tổng số: 01)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chức vụ hiện tại	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Tập	26/09/1983	Thạc sỹ	Ngữ văn	P.Hiệu trưởng	



II. Biên chế giáo viên: (Tổng số: 07)

STT	Môn dạy	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Ghi chú
1	Toán	Khoàng Văn Thư	13/03/1991	Đại học	Toán	
2	Hóa	Nguyễn Thùy Linh	15/11/1992	Thạc sỹ	Hóa học	
3	Vật lý	Bùi Quang Thế	20/11/1995	Đại học	Vật lý	
4	T.Anh	Phí Tiến Hiếu	05/12/1990	Đại học	Tiếng Anh	
5	Sinh học	Vũ Trọng Vinh	24/09/1987	Đại học	Sinh học	
6	Địa lí	Thùng Văn Vĩnh	07/09/1986	Đại học	Địa lí	
7	Tin học	Nguyễn Hoàng Quyền	13/07/1985	Đại học	Tin học	

(Hiện nay nhà trường còn thiếu giáo viên ở các bộ môn: Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục công dân và Thể dục; các môn công nghệ, GDQP-AN sử dụng giáo viên môn Sinh học và Thể dục kiêm nhiệm)

III. Biên chế phụ trách đoàn đội: (Tổng số: 0)

IV. Biên chế phục vụ giảng dạy: (Tổng số: 0)

V. Biên chế nhân viên: (Tổng số: 04)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Công việc hiện nay	Ghi chú
1	Nguyễn Quốc Bách	1993	Đại học	Kế toán	Kế toán	Biệt phái
2	Lường Thị Phụng	1996	Đại học	Quản lý nhà nước	Văn thư - Thủ quỹ	
3	Lường Thị Cúc	1999	Chưa ĐT		Phục vụ	
4	Pòong Thị Tuyền	1990	Chưa ĐT		Phục vụ	

(Hiện nay nhà trường còn thiếu 4 nhân viên: Bảo vệ, Y tế, Kỹ thuật viên và nhân viên tạp vụ)

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ TRÌNH ĐỘ SAU ĐẠI HỌC
(THẠC SĨ, TIẾN SĨ)**

(Tính đến ngày 25/7/2018)

(Kèm theo Kế hoạch số: 24/KH-PTDTNTTHPTNP, ngày 31 tháng 7 năm 2018 của
trường PTDTNT THPT huyện Nậm Pồ)



	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Tập	26/09/1983	Thạc sỹ	Ngữ văn	
2	Nguyễn Thùy Linh	15/11/1992	Thạc sỹ	Hóa học	

Có 2 người trong danh sách./.



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN NÂM PỒ

BIỂU THUYẾT MINH BIÊN CHẾ GIÁO VIÊN NĂM HỌC 2018-2019

I. Công tác giảng dạy

TT	Môn dạy	Số tiết/tuần	Số GV cần có = tổng số tiết/định mức GV	Số giáo viên hiện có	Nhu cầu bổ sung
1	Toán	3(tiết) x 3(lớp 10) = 9(tiết)	$9/15 = 0,6$	01	0
2	Vật lí	2(tiết) x 3(lớp 10) = 6 (tiết)	$6/15 = 0,4$	01	0
3	Hóa học	2(tiết) x 3(lớp 10) = 6 (tiết)	$6/15 = 0,4$	01	0
4	Sinh học	1(tiết) x 3(lớp 10) = 3 (tiết)	$3/15 = 0,2$	01	0
5	Lịch sử	1,5(tiết) x 3(lớp 10) = 4,5 (tiết)	$4,5/15 = 0,3$	0	01
6	Địa lí	1,5(tiết) x 3(lớp 10) = 4,5 (tiết)	$4,5/15 = 0,3$	01	0
7	Ngữ văn	3(tiết) x 3(lớp 10) = 12 (tiết)	$9/15 = 0,6$	0	01
8	Ngoại ngữ	3(tiết) x 3(lớp 10) = 9 (tiết)	$9/15 = 0,6$	01	0
9	Thể dục	2(tiết) x 3(lớp 10) = 6 (tiết)	$6/15 = 0,4$	0	01
10	GDQP-AN	1(tiết) x 3(lớp 10) = 3 (tiết)	$3/15 = 0,2$	0	01
11	GDCD	1(tiết) x 3(lớp 10) = (tiết)	$3/15 = 0,2$	0	01
12	Công nghệ	1,5(tiết) x 3(lớp 10) = 4,5 (tiết)	$4,5/15 = 0,3$	0	01
13	Tin học	2(tiết) x 3(lớp 10) = 6 (tiết)	$6/15 = 0,4$	01	0
14	HN + HĐNGLL	0,75(tiết) x 3(lớp 10) = 2,25 (tiết)	$2,25/15 = 0,15$	0	0
15	Tự chọn	4(tiết) x 3(lớp 10) = 12 (tiết)	$12/15 = 0,8$	00	0
16	Ôn tập NGCK	9(tiết) x 3(lớp 10) = 27 (tiết)	$27/15 = 1,6$	00	0



TT	Môn dạy	Số tiết/tuần	Số GV cần có = tổng số tiết/định mức GV	Số giáo viên hiện có	Nhu cầu bổ sung
Tổng cộng:		114.75	7,45	7	4

II. Công tác kiêm nhiệm của giáo viên

TT	Loại hình kiêm nhiệm	Số tiết kiêm nhiệm	Số lượng người được bố trí
1	Tổ trưởng chuyên môn	6	2
2	Tổ phó chuyên môn	2	2
3	Thư ký hội đồng	2	1
4	Chủ tịch công đoàn	3	1
5	Phó chủ tịch công đoàn	3	1
6	Ủy viên BCH, tổ trưởng, tổ phó công đoàn	3	3
7	Trưởng ban TTrND	2	1
8	Bí thư đoàn trường	10,5	1
9	Phó bí thư đoàn trường	5	1
10	Chủ nhiệm lớp	12	3
11	Trưởng ban văn thể	3	1
12	Quản lý các phòng chức năng (Tin học, LAP, Sinh – Hóa; Vật lý – CN)	3	1
Tổng:		54,5	
Giáo viên quy đổi		3,63	